

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023, và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm

Kính gửi: Chính phủ

Qua theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Chương trình cắt giảm đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (viết tắt là QĐKD) tại các bộ, cơ quan, địa phương<sup>1</sup>, Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

##### 1. Về cải cách QĐKD

a) Việc cập nhật, công khai QĐKD: Tính đến ngày 30/6/2023, các Bộ đã cập nhật là **17.807<sup>2</sup> QĐKD** tại **2168 văn bản quy phạm pháp luật** (viết tắt là VBQPPL) đang có hiệu lực thi hành, trong đó đã công khai **15.741 QĐKD**, chưa công khai **2.066 QĐKD** trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD. Đồng thời, đã cập nhật **352 QĐKD dự kiến ban hành** tại **73 dự thảo VBQPPL** và **1.025 phương án** cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD để hiệp hội, doanh nghiệp theo dõi quá trình thực hiện sửa đổi VBQPPL, QĐKD.

b) Việc trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD: Trong 6 tháng đầu năm 2023, có **02** Bộ Khoa học và Công nghệ, Công an đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa **47 QĐKD** tại **10 VBQPPL<sup>3</sup>**. Tính đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 13 Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa **1.146 QĐKD<sup>4</sup>** tại **211 VBQPPL<sup>5</sup>**. Bộ Tư pháp đang hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ; các Bộ:

<sup>1</sup> Các Bộ chưa có báo cáo chính thức gửi đến Văn phòng Chính phủ gồm: Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải.

<sup>2</sup> Gồm: **4.394** TTHC; **868** tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; **2.762** yêu cầu, điều kiện; **857** chế độ báo cáo; **83** thủ tục kiểm tra chuyên ngành với **8.848** sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành; **78** quy định cấm.

<sup>3</sup> Gồm: **5** Nghị định; **01** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; **04** Thông tư.

<sup>4</sup> Gồm: **785** TTHC; **131** tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; **129** yêu cầu, điều kiện; **50** chế độ báo cáo; **51** sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành

<sup>5</sup> Gồm: **14** Luật, **78** Nghị định, **01** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và **118** Thông tư, Thông tư liên tịch và văn bản khác.

Công Thương, Quốc phòng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa trình Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD thuộc phạm vi quản lý.

c) Về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD: Trong 6 tháng đầu 2023, các Bộ đã cắt giảm, đơn giản hóa là **210 QĐKD** tại **20 VBQPPL**<sup>6</sup>, nâng tổng số quy định đã được cắt giảm, đơn giản hóa **từ năm 2021 đến nay lên 2.352 QĐKD**<sup>7</sup> tại **191 VBQPPL**<sup>8</sup>.

Tính đến thời điểm hiện tại, các Bộ, cơ quan cần tiếp tục tập trung thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa **676 QĐKD** theo Quyết định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>9</sup>.

d) Về hoạt động thẩm định các VBQPPL có QĐKD: Thông qua hoạt động thẩm định VBQPPL, Bộ Tư pháp và Tổ chức pháp chế các bộ, ngành đã chú trọng loại bỏ nhiều quy định không cần thiết, không hợp lý, là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong quá trình thẩm định. Một số Bộ đã đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD ngay trong quá trình thẩm định văn bản<sup>10</sup>; thực hiện giảm số VBQPPL thông qua việc ban hành một văn bản bãi bỏ, sửa đổi, thay thế nhiều văn bản<sup>11</sup>.

đ) Việc tham vấn các hiệp hội, doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động về phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD và QĐKD dự kiến ban hành trong dự án, dự thảo VBQPPL đã được quan tâm thực hiện trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD. Trong 6 tháng đầu năm, các Bộ đã tham vấn **135 QĐKD dự kiến ban hành** (gồm: 98 TTHC; 26 YCĐK; 8 CĐBC; 3 TCQC) trong **27 dự thảo VBQPPL**.

e) Nhiều vướng mắc, khó khăn, đề xuất, kiến nghị của các Hiệp hội doanh nghiệp đã được gửi trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD. Một số Bộ<sup>12</sup> đã tiếp nhận, xử lý kịp thời, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số Bộ chưa báo cáo cụ thể kết quả xử lý các vướng mắc, đề xuất tại Phụ lục 7.2 Báo cáo số 16/BC-VPCP ngày 02/01/2023 của Văn phòng Chính phủ theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 05/NQ-CP ngày 09/01/2023 của Chính phủ.

<sup>6</sup> Gồm: 7 Nghị định; 13 Thông tư.

<sup>7</sup> Gồm: **1.185** TTHC; **08** tiêu chuẩn, quy chuẩn; **160** yêu cầu, điều kiện, **66** chế độ báo cáo; **933** sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành.

<sup>8</sup> Gồm: **13** Luật, **55** Nghị định, **04** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và **119** Thông tư, Thông tư liên tịch và văn bản khác

<sup>9</sup> Các Bộ đã thực thi sửa đổi **470** QĐKD trên tổng số **1.146** QĐKD đã được TTCP phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa, còn **676** QĐKD chưa thực thi. Thực hiện tốt nhiệm vụ này là các Bộ: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

<sup>10</sup> Ví dụ: Bộ Tư pháp đề nghị bãi bỏ **03** TTHC, sửa đổi **182** TTHC; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị bãi bỏ **25** QCVN tại 2 dự thảo Thông tư; Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị đơn giản hóa 4 TTHC và 27 sản phẩm hàng hóa kiểm tra chuyên ngành tại **03** dự thảo Thông tư; Ngân hàng nhà nước Việt Nam đề nghị đơn giản hóa **50** TTHC tại **06** dự thảo VBQPPL; Bộ Tài chính đề xuất đơn giản hóa **22** TTHC tại **01** dự thảo Thông tư; Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa **08** QĐKD tại **07** dự thảo Thông tư...

<sup>11</sup> Ví dụ: Các Nghị định số **10/2023/NĐ-CP** ngày 03/4/2023; **22/2023/NĐ-CP** ngày 12/5/2023; **35/2023/NĐ-CP** ngày 20/6/2023; Thông tư số **08/2023/TT-BYT** ngày 14/4/2023...

<sup>12</sup> Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Văn phòng Chính phủ tiếp tục tổng hợp vướng mắc, đề xuất của hiệp hội, doanh nghiệp tại Phụ lục I kèm theo Báo cáo.

g) Việc rà soát, tính chi phí tuân thủ, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD là nhiệm vụ cần thực hiện để xác định lợi ích của việc cắt giảm nhưng việc thực hiện còn hình thức, tổng số QĐKD đang rà soát là 1.956 quy định, số QĐKD chưa rà soát là 2.178 quy định.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

2. Cải cách việc thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp

Thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hiện TTHC nhằm tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đã thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và công bố, công khai danh sách cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ, gây phiền hà, nhũng nhiễu, tiêu cực, nhất là làm phát sinh thêm thủ tục, hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu điều kiện không đúng quy định trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC<sup>13</sup>. Theo kết quả đánh giá dựa trên dữ liệu theo thời gian thực của Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tính đến tháng 26/6/2023, kết quả thực hiện cụ thể của các bộ, ngành, địa phương như sau:

a) Về công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC: Theo yêu cầu của Chính phủ 100% TTHC, hồ sơ TTHC phải được công khai, minh bạch thông tin để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện và theo dõi, giám sát, đánh giá. Mặc dù, 6 tháng đầu năm 2023 đã có sự cải thiện rõ rệt so với năm 2022 nhưng kết quả thực hiện ở hầu hết các bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu này của Chính phủ, nhất các bộ, ngành đạt tỷ lệ rất thấp, ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức thực hiện TTHC tại địa phương. Từ đầu năm đến tháng 6/2023, các bộ, ngành chỉ đạt 1,4% TTHC công bố đúng hạn, 19% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC; tại các địa phương, tỷ lệ này tương ứng là 60,2% TTHC công bố đúng hạn, 42,8% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC. Một số địa phương thực hiện tốt, gần đạt mục tiêu của Chính phủ như: Cà Mau, Yên Bái, Hòa Bình, Bình Định, TP. Hải Phòng, Thái Nguyên,...

b) Về thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Có **4.422/6.423 TTHC** đã cung cấp DVCTT (chiếm 68,8%), trong đó, bộ, ngành có 55,7% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã cung cấp DVCTT (trong đó, DVCTT **toàn trình 33,3%**, DVCTT **một phần 22,4%** - chưa đáp ứng được yêu cầu của Chính phủ đến đầu năm 2023 tối thiểu 70% TTHC phải cung cấp DVCTT), với 82% hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết (tăng 1,5 lần so với năm 2022); địa phương có 68,9% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã cung cấp DVCTT (DVCTT toàn trình 59,9%, DVCTT một phần 9% - cơ bản đáp ứng mục tiêu của Chính phủ), với 61,36% hồ sơ trực tuyến

<sup>13</sup> Văn bản số 493/TTg-KSTT ngày 01/06/2023 của Thủ tướng Chính phủ

trong tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết (tăng 1,7 lần so với năm 2022), một số bộ, địa phương thực hiện tốt như: Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính (Thuế, Hải quan), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bà Rịa – Vũng Tàu, An Giang, Long An, Bắc Giang,...

c) Việc thực hiện thanh toán trực tuyến cũng có sự cải thiện rõ rệt, từ đầu năm đến 26/6/2023, có **2,5 triệu giao dịch thành công**, tăng **gấp 8 lần** so với cùng kỳ năm 2022, trong đó một số bộ, ngành, địa phương đạt và vượt chỉ tiêu Chính phủ đề ra (tối thiểu 30% trong tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính) như: Bộ Công an, Tổng Cục Thuế, Nam Định, Hà Nam, Lào Cai, Bắc Giang, Bình Định, TP Đà Nẵng.

d) Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: Các bộ, ngành, địa phương đã tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hiện TTHC theo hướng tập trung số hóa, tái sử dụng kết quả số hóa để người dân, doanh nghiệp chỉ cần cung cấp thông tin, giấy tờ một lần trong thực hiện TTHC. Từ đầu năm đến 26/6/2023, việc cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử ở các bộ, ngành là 22,8 % (tăng 11% so với cùng kỳ năm 2022), ở các địa phương là 32% (tăng 20% so với cùng kỳ năm 2022); việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đã được triển khai ở Bộ phận một cửa các cấp, đạt 6% trong tổng số hồ sơ; 63/63 địa phương đã hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công như: xác thực, định danh, bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy,... Một số bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt như: Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nam, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Lâm Đồng, Tây Ninh, Khánh Hòa, Cà Mau,...

đ) Về kết quả giải quyết TTHC: Chất lượng giải quyết TTHC đã có sự cải thiện so với năm 2022, tuy nhiên vẫn còn thấp so với mục tiêu đề ra của Chính phủ (tối thiểu 90% hồ sơ TTHC trở lên giải quyết đúng hoặc sớm hạn). Theo đó, từ đầu năm đến 26/6/2023, các địa phương có 83,5% hồ sơ TTHC giải quyết đúng hoặc sớm hạn; bộ, ngành kết quả này chỉ đạt 40,2%, trong đó có một số bộ, địa phương kết quả thực hiện rất thấp như: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Vĩnh Long, Bạc Liêu, TP Đà Nẵng, Gia Lai, Đồng Nai,...

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

## II. MỘT SỐ HẠN CHẾ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Trong cải cách QĐKD

a) Việc cập nhật QĐKD hiện hành đã được các bộ, ngành thực hiện trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD, nhưng vẫn cần phải rà soát thường xuyên bảo đảm cập nhật đầy đủ, công khai kịp thời, chính xác để phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin của người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước. Số QĐKD chậm công khai<sup>14</sup> vẫn chiếm tỷ lệ cao, 11,60% trên tổng số QĐKD đã cập nhật

<sup>14</sup> Số QĐKD chưa công khai cụ thể: Bộ Giao thông vận tải (1.375 QĐKD); Bộ Tài chính (24 QĐKD); Bộ Công an (74 QĐKD); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (201 QĐKD); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (170 QĐKD); Bộ Tài nguyên và Môi trường (74 QĐKD); Bộ

vào hệ thống; việc cập nhật quy định dự kiến ban hành trong dự thảo VBQPPL, kết quả rà soát và phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD vẫn rất ít.

b) Tỷ lệ số QĐKD được rà soát, tính chi phí tuân thủ theo biểu mẫu điện tử trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD phục vụ xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD thấp so với tổng số QĐKD của từng Bộ, việc thực hiện còn hình thức, cụ thể: có 18,19% TTHC; 26,84% tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; 25,81% yêu cầu, điều kiện; 35,11% chế độ báo cáo; 25,28% thủ tục kiểm tra chuyên ngành; 37,97% quy định cấm chưa rà soát. Một số Bộ có số QĐKD chưa rà soát cao như: Bộ Công Thương (47,58%); Bộ Công an (62,5%); Bộ Giáo dục và Đào tạo (52,08%); Bộ Khoa học và Công nghệ (72,31%) Bộ Tài nguyên và Môi trường (47,14%). Số QĐKD chưa tính chi phí tuân thủ còn nhiều<sup>15</sup> (26,8% tiêu chuẩn, quy chuẩn; 5,2% chế độ báo cáo; 1,2% thủ tục kiểm tra chuyên ngành) nên chưa xác định được tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ theo yêu cầu của Chính phủ.

c) Việc đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD cũng như thực thi phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn chậm, thậm chí một số Bộ vẫn chưa có phương án cắt giảm, đơn giản hóa trình Thủ tướng Chính phủ<sup>16</sup>.

d) Việc tham vấn, lấy ý kiến hiệp hội, doanh nghiệp, người dân trong quá trình xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD cũng như xây dựng quy định dự kiến ban hành trong các dự thảo VBQPPL chưa thực hiện rộng rãi, thường xuyên. Số dự thảo VBQPPL và số QĐKD dự kiến ban hành được đưa lên tham vấn tỷ lệ vẫn còn thấp. Ý kiến góp ý và vướng mắc, đề xuất của các hiệp hội, doanh nghiệp gửi trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD chưa được quan tâm phản hồi.

đ) Hiệp hội, doanh nghiệp có nhiều khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị về QĐKD nhưng chưa được các bộ, cơ quan nghiên cứu, tổng hợp, theo dõi, thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các bên liên quan để sớm có giải pháp giải quyết kịp thời, dứt điểm, phản hồi hoặc giải trình cho hiệp hội, doanh nghiệp và người dân.

## 2. Trong cải cách việc thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công

a) Việc công khai, minh bạch thông tin trong thực hiện TTHC của một số bộ, ngành, địa phương chưa thực hiện nghiêm, nhất là việc công bố, công khai TTHC và đồng bộ, công khai tiến trình giải quyết hồ sơ TTHC của các bộ, ngành, làm ảnh hưởng lớn đến việc tiếp cận thông tin và thực hiện TTHC của các địa phương, người dân, doanh nghiệp.

---

Thông tin và Truyền thông (51 QĐKD); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (40 QĐKD); Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (32 QĐKD); Bộ Công Thương (13 QĐKD); Bộ Xây dựng (8 QĐKD); Bộ Khoa học và Công nghệ (4 QĐKD); Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng (1 QĐKD).

<sup>15</sup> Các Bộ Giao thông vận tải; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động – Thương binh và Xã hội; Văn hóa Thể thao và Du lịch

<sup>16</sup> Các Bộ: Công Thương, Quốc phòng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Mặc dù số lượng DVCTT và số hồ sơ trực tuyến tăng cao nhưng chất lượng cung cấp DVCTT còn thấp, thậm chí có trường hợp đến 98% hồ sơ trực tuyến của một số bộ, ngành xử lý quá hạn; nhiều bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm tái cấu trúc quy trình theo hướng lấy người dùng làm trung tâm; số lượng hồ sơ trực tuyến ở nhiều địa phương do cán bộ, công chức hỗ trợ người dân là chủ yếu; mức độ DVCTT chưa đảm bảo trong quá trình cung cấp, đặc biệt là các DVCTT công bố toàn trình nhưng thực chất theo quy định vẫn phải thực hiện kiểm tra, đánh giá, thẩm định điều kiện trực tiếp tại cơ sở (ví dụ: các thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động) hoặc yêu cầu người dân hiện diện tại cơ quan nhà nước hoặc thực hiện quy trình trước mặt cán bộ, công chức tiếp nhận, giải quyết (ví dụ: đăng ký kết hôn).

c) Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn chậm, nhất là việc kết nối, chia sẻ, tái sử dụng kết quả số hóa để người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần.

d) Vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, làm phát sinh thêm thủ tục, giấy tờ, yêu cầu điều kiện ngoài quy định ở một số cơ quan, đơn vị trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC<sup>17</sup>; kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm, chưa thực hiện nghiêm túc việc thường xuyên kiểm tra, định kỳ hàng tháng công bố, công khai danh sách cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị giải quyết TTHC chậm trễ, gây phiền hà theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Nguyên nhân: Nguyên nhân của hạn chế trên có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu (thiếu sự chỉ đạo quyết liệt, sâu sát trong tổ chức thực hiện; thiếu chủ động trong công tác phối hợp giữa các bộ ngành, cơ quan, đơn vị; chưa đề cao tinh thần trách nhiệm, việc tuân thủ kỷ cương, kỷ luật hành chính của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; thiếu sự gắn kết, hỗ trợ, tương tác giữa cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội, doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật). Bên cạnh đó, còn có nguyên nhân khách quan là do thiếu cơ chế pháp lý bảo đảm hiệu lực và hiệu quả trong triển khai quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD như một công cụ để thúc đẩy cải cách thể chế thực chất, hiệu quả.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU 6 THÁNG CUỐI NĂM**

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả, tạo đột phá trong đổi mới thể chế, trọng tâm là đổi mới thể chế về QĐKD và thực thi TTHC phục vụ người dân và doanh nghiệp năm 2023 và những năm tiếp theo, Văn phòng Chính phủ trân trọng đề nghị các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

#### **1. Về cải cách QĐKD**

<sup>17</sup> Ví dụ: Giải quyết TTHC đất đai tại xã Tam Đa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tập trung chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền VBQPPL để thực thi ngay phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng một văn bản sửa nhiều văn bản. Bảo đảm thời gian hoàn thành chậm nhất trước ngày 30/9/2023 đối với các văn bản quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng;

b) Tham vấn các hiệp hội, doanh nghiệp và đối tượng chịu sự tác động phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD, những quy định đang tạo gánh nặng hành chính và khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xã hội quan tâm có nhiều ý kiến phản ánh và quy định dự kiến ban hành trong dự thảo VBQPPL trên Cổng tham vấn QĐKD (<https://thamvanquydingh.gov.vn>);

c) Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa các QĐKD đang còn hiệu lực và dự kiến ban hành có nhiều phản ánh, kiến nghị, vướng mắc, khó khăn trong thực hiện hoặc tạo rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành trước ngày 30/9/2023;

d) Thường xuyên rà soát, kiểm tra, cập nhật đầy đủ, chính xác và công khai kịp thời dữ liệu QĐKD (gồm cả hiện hành và dự kiến ban hành); kết quả rà soát, tính chi phí tuân thủ, phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD vào Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD.

đ) Thực hiện công bố, công khai kết quả cắt giảm, đơn giản hóa số QĐKD và chi phí tuân thủ QĐKD của các bộ, ngành trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD trước ngày 30/12/2023.

## 2. Về cải cách việc thực hiện TTHC tại các bộ, ngành, địa phương

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tiếp tục thực hiện kịp thời, hiệu quả Công văn số 452/TTg-KSTT ngày 23/5/2023 về việc tháo gỡ các điểm nghẽn triển khai Đề án 06 và Công văn số 493/TTg-KSTT ngày 01/6/2023 về việc cải cách TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Thực hiện nghiêm việc kiểm soát quy định TTHC trong dự thảo VBQPPL không để phát sinh TTHC không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp.

c) Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của VPCP tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, trong quá trình giải quyết TTHC; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa theo đúng quy định.

d) Thực hiện rà soát tái cấu trúc quy trình, DVCTT theo hướng lấy người dùng làm trung tâm (bao gồm cả cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp), trong đó bao gồm việc rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.

đ) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công. Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân, tổ chức, không để tình trạng giải quyết chậm, muộn, những nhiễu, tiêu cực, phát sinh thêm thủ tục, giấy tờ, yêu cầu điều kiện trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC.

#### **IV. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở nội dung Báo cáo, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

1. Yêu cầu các Bộ ngành, địa phương có liên quan xem xét, xử lý kịp thời dứt điểm các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đang là rào cản đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân; trước mắt tập trung xử lý ngay các phản ánh, kiến nghị tại Mục X.2 và XI của Phụ lục I đính kèm Báo cáo này; định kỳ hàng tháng gửi báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Văn phòng Chính phủ định kỳ hàng tháng công bố và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ báo cáo đánh giá chất lượng của các Bộ, ngành, địa phương về chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo về tình hình thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD 6 tháng đầu năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2023, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (đề b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ,  
Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg;  
các Vụ, Cục: TH, KTTH, PL, KGVX, NC,  
CN, NN, ĐMDN, Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, KSTT, TT (2b)

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**



**Trần Văn Sơn**